TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH THUẬN** Bản án số: 02/2023/DS-ST Ngày 12/01/2023 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:* Ông Dương Nguyên Kim.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Phương;

2. Ông Hoàng Văn Tâm.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Nhi - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà:*** Bà Phạm Thị Ry – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận; Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐHPT ngày 27 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn 4 xã X, huyện Y, tỉnh Bình Thuận (Có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh T1, sinh năm 1984, ông NLC, sinh năm 1976. Địa chỉ: số nhà 91 đường W, khu phố I, thị trấn Z, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông NLQ, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn 4 xã X, huyện Y, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt).

Người làm chứng: Ông NLC, sinh năm 1983. Địa chỉ: khu phố F, thị trấn Z, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Do quen biết, vào ngày 01/12/2020, bà Nguyễn Thị Ánh T1, sinh năm 1984, ông NLC, sinh năm 1976; địa chỉ: số nhà 91 đường W, khu phố I, thị trấn Z, huyện H, tỉnh Bình Thuận hỏi vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng. Cùng ngày 01/12/2020 được ông NLC, sinh năm 1983. Địa chỉ: khu phố F, thị trấn Z, huyện H, tỉnh Bình Thuận là tài xế xe taxi chở bà Nguyễn Thị Ánh T1, ông NLC đến nhà bà T tại địa chỉ thôn 4 xã X, huyện Y, tỉnh Bình Thuận vay tiền của bà T.

Hai bên thống nhất bà T cho bà T1, ông NLC vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ ngày vay tiền. Giữa hai bên xác nhận Hợp đồng vay tiền ngày 01/12/2020 tên *"Nguyễn Thị Ánh T1"* và *"NLC"* vay tiền sau khi xác lập hợp đồng bà T1, ông NLC nhận đủ tiền vay là 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng).

Hết thời hạn bà T đã đòi nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị Ánh T1, ông NLC không trả số nợ trên.

Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Ánh T1, ông NLC trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay là 300.000.000 *(Ba trăm triệu đồng)*.

Bị đơn trình bày: *Tại phiên tòa sơ thẩm, trong quá trình giải quyết vụ án và các phiên hòa giải bà Nguyễn Thị Ánh T1, ông NLC đều vắng mặt.*

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông NLQ bày:

Ông NLQ đồng ý với ý kiến của bà Nguyễn Thị T. Ông yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Ánh T1, ông NLC trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay là 300.000.000 *(Ba trăm triệu đồng)*.

Người làm chứng ông NLC bày:

Ông NLC là tài xế xe taxi, vào ngày 01/12/2020 ông NLC có chở bà Nguyễn Thị Ánh T1, ông NLC đến nhà bà T tại địa chỉ thôn 4 xã X, huyện Y, tỉnh Bình Thuận để bà T1, ông NLC vay tiền của bà T. Tại thời điểm hai bên xác lập hợp đồng vay tiền có mặt ông NLC, sau khi ký hợp đồng ông NLC chứng kiến việc bà T có giao cho bà Nguyễn Thị Ánh T1, ông NLC số tiền vay là 300.000.000 *(Ba trăm triệu đồng)*.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T, buộc bà Nguyễn Thị Ánh T1, ông NLC trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay là 300.000.000 *(Ba trăm triệu đồng)*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh T1, ông NLC có địa chỉ tại huyện H, tỉnh Bình Thuận, theo quy định tại các Điều 26, 35, 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về việc xét xử vắng mặt: Bà Nguyễn Thị Ánh T1, ông NLC và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông NLQ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt; ông NLQ có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Ánh T1, ông NLC và ông NLQ là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu trả tiền:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh T1 và ông NLC trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay là 300.000.000 *(Ba trăm triệu đồng)* theo Hợp đồng vay tiền ngày 01/12/2020.

Hợp đồng vay tiền ngày 01/12/2020 thể hiện bà bà Nguyễn Thị Ánh T1, ông NLC vay tiền của bà Nguyễn Thị T số tiền vay là 300.000.000 *(Ba trăm triệu đồng)*, thời hạn 6 tháng kể từ ngày vay tiền; có chữ ký Nguyễn Thị Ánh T1, ông NLC là người vay tiền.

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ đối với bà Nguyễn Thị Ánh T1; ông NLC đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án cũng như tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhưng không có ý kiến. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Ánh T1, ông NLC đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình và chấp nhận ý kiến của nguyên đơn.

Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định giám định đối với chữ ký, chữ viết mang tên *"Nguyễn Thị Ánh T1"* và *"NLC"* tại Hợp đồng vay tiền ngày 01/12/2020 là chứng cứ do nguyên đơn giao nộp so với chữ ký, chữ viết *"Nguyễn Thị Ánh T1"* và *"NLC"* lưu trong Hồ sơ vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện H giải quyết cùng thời điểm năm 2020.

Tại Kết luận giám định số 927/KLGĐ-KTHS, ngày 27/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận kết luận đối với mẫu cần giám định là Hợp đồng vay tiền ngày 01/12/2020 tên *"Nguyễn Thị Ánh T1"* và *"NLC"* có ghi*:* Chữ ký, chữ viết mang tên *Nguyễn Thị Ánh T1* dưới mục "Bên vay" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký chữ viết tên *Nguyễn Thị Ánh T1* trên các tài liệu mẫu so sánh từ M1 đến M8 là do cùng một người ký, viết ra và chữ ký, chữ viết mang tên *NLC* dưới mục "Bên vay" trên tài liệu cần giám định trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với

chữ ký chữ viết tên *NLC* trên các tài liệu mẫu so sánh M1, M2, M4 là do cùng một người ký, viết ra.

Vì vậy Hợp đồng thể hiện người vay tiền ngày 01/12/2020 mang tên *"Nguyễn Thị Ánh T1"* và *"NLC*" là đúng.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xét thấy đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Nguyễn Thị Ánh T1, ông NLC trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay 300.000.000 *(Ba trăm triệu đồng)*.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà Nguyễn Thị Ánh T1, ông NLC phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 266, Điều 269, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 274; 275; 276; 280 ; 357; 463; 464; 466; 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

- Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

1.Về yêu cầu trả tiền: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Nguyễn Thị Ánh T1, ông NLC phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 300.000.000 *(Ba trăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nhưng người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền ghi trên thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh T1, ông NLC phải chịu số tiền 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 12/01/2023).

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-Như điều 269 BLTTDS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Nguyên Kim

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN NAM
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 15 phút ngày 12 tháng 01 năm 2023.

Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Nguyên Kim.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Phương;

2. Ông Hoàng Văn Tâm.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 82/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022*;* giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn 4 xã X, huyện Y, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh T1, sinh năm 1984, ông NLC, sinh năm 1976. Địa chỉ: số nhà 91 đường W, khu phố I, thị trấn Z, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông NLQ, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn 4 xã X, huyện Y, tỉnh Bình Thuận.

Người làm chứng: Ông NLC, sinh năm 1983. Địa chỉ: khu phố F, thị trấn Z, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định những vấn đề sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 266, Điều 269, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 274; 275; 276; 280 ; 357; 463; 464; 466; 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên

1. Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Ánh T1, ông NLC phải trả bà Nguyễn Thị T số tiền 300.000.000 *(Ba trăm triệu đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nhưng người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền ghi trên thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh T1, ông NLC phải chịu số tiền 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên.

Kết quả biểu quyết toàn bộ: 3/3 thành viên.

Buổi nghị án kết thúc lúc 16 giờ 40 ngày 12 tháng 01 năm 2023. Các thành viên đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**